

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-08-2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Xô

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tin

Ông Phạm Bá Sang

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thường- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 08 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 09-03-2021, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 07 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà PTH, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số C Lý Thường Kiệt, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông NCQ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số B Thái Phiên, thành phố TK, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà PTH trình bày:* Tôi và ông NCQ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi về chung sống với nhau tại số nhà 02 Bà Triệu, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam một thời gian rồi chuyển về sinh sống tại Số B Thái Phiên, thành phố TK. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do ông NCQ không lo làm ăn mà chỉ ham mê cờ bạc, chơi game, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần chồng chất. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu

thuần, tình cảm không còn. Vì vậy, tôi đã bỏ con về nhà cha mẹ tôi tại thành phố HA để sinh sống từ tháng 06 năm 2019 đến nay. Vợ chồng từ đó ít liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông NCQ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là NPCU, sinh ngày 28-7-2014. Vợ chồng ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông NCQ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông NCQ được tổng đạt hợp lệ, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án thông báo hợp lệ nhiều lần, nhưng không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà PTH và ông NCQ đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau và không còn dành cho nhau sự quan tâm, chăm sóc, tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà PTH.

Về con chung: Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bà PTH đã bỏ con về nhà cha mẹ để sinh sống cho đến nay. Hơn nữa, cháu NPCU còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu NPCU cho bà PTH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Bà PTH không yêu cầu ông NCQ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông NCQ được thông báo, tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà PTH và ông NCQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phô, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam vào năm 2013. Do đó, hôn nhân giữa bà PTH và ông NCQ là hợp pháp.

Về nguyên nhân bà PTH xin ly hôn với ông NCQ: Theo bà PTH trình bày là do ông NCQ không lo làm ăn, ham mê cờ bạc, chơi game, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần nhiều, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà PTH đã bỏ con bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về phía ông NCQ, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì ông NCQ không có động thái tích cực để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không có ý kiến phản hồi đối với việc bà PTH xin ly hôn, chứng tỏ ông NCQ không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phần ai nấy sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà PTH và ông NCQ đã thật sự trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận cho bà PTH được ly hôn với ông NCQ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu NPCU, sinh ngày 28-7-2014 hiện nay đang do bà PTH nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu NPCU sau khi vợ chồng ly hôn, nên giao cho bà PTH được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, bà PTH trình bày hiện nay bà làm nghề kế toán, thu nhập hằng tháng trung bình từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con và bà PTH không yêu cầu ông NCQ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà PTH không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà PTH phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà PTH về việc xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn đối với bị đơn ông NCQ;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà PTH được ly hôn với ông NCQ;

[2] *Về con chung:* Giao cho bà PTH chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu NPCU, sinh ngày 28-7-2014 cho đến đủ 18 tuổi.

Ông NCQ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi cần thiết vì lợi ích của con chưa thành niên, việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và hôn nhân gia đình.

[3] Về án phí: Bà PTH phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001065 ngày 09-03-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND TP.Tam Kỳ;
- Chi cục THA TP.Tam Kỳ;
- UBND phường CP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Đinh Văn Xô

